

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 24-5-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm Sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hữu Thiên L; sinh ngày: 27-4-1989; (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: đường C, khóm D, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Tôn Quốc T; sinh năm: 1987; (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, khóm D, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 27 tháng 12 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Hữu Thiên L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Hữu Thiên L và ông Tôn Quốc T chung sống với nhau từ năm 2008 đến năm 2014, ông bà ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 39/2014/QĐST-

HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó, ông bà đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2015, đăng ký ngày 29 tháng 9 năm 2015, trên cơ sở tự nguyện. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, ông bà đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Nay bà Huỳnh Hữu Thiên L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Tôn Quốc T.

Về con chung: Bà Huỳnh Hữu Thiên L trình bày, khi ly hôn vào năm 2014, bà L và ông T có 01 người con chung tên Tôn Ngọc Diệu T1 (nữ), sinh ngày: 15/02/2009 và theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 39/2014/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, giao con chung tên Tôn Ngọc Diệu T1 cho ông Tôn Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Sau khi bà và ông T kết hôn lại, cháu T1 do ông bà trực tiếp nuôi dưỡng. Sau đó, bà L và ông T có với nhau thêm 01 người con chung tên Tôn Ngọc Tuyết N (nữ), sinh ngày: 21/01/2016. Từ khi ông bà sống ly thân vào cuối năm 2021 cho đến nay, cháu T1 do ông T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu N do bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Nay bà L yêu cầu giao cháu Tôn Ngọc Diệu T1 cho ông Tôn Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng và bà Huỳnh Hữu Thiên L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tôn Ngọc Tuyết N cho đến tuổi trưởng thành. Hiện nay bà L đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng ổn định từ 5.500.000 đồng đến 6.000.000 đồng, đủ để chăm lo cho cuộc sống của bà và cháu Tôn Ngọc Tuyết N. Còn ông Tôn Quốc T đang làm sơn nước thu nhập ổn định nên bà Huỳnh Hữu Thiên L không cấp dưỡng nuôi cháu Tôn Ngọc Diệu T1 và bà L cũng không yêu cầu ông Tôn Quốc T phải cấp dưỡng nuôi cháu Tôn Ngọc Tuyết N.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Hữu Thiên L trình bày bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Tôn Quốc T, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông Tôn Quốc T không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2022, cháu Tôn Ngọc Diệu T1 trình bày: Cháu T1 là con ruột của ông Tôn Quốc T và bà Huỳnh Hữu Thiên L, hiện cháu T1 đang học lớp 7, trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn. Cha mẹ cháu đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay và hiện cháu đang sống cùng với cha là ông Tôn Quốc T tại đường L, khóm D, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Nay cha mẹ cháu ly hôn, cháu T1 có nguyện vọng được sống cùng với cha là ông Tôn Quốc T, cháu T1 không có ý kiến cũng như yêu cầu gì về việc mẹ cháu phải cấp dưỡng nuôi cháu.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn bà Huỳnh Hữu Thiên L thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn ông Tôn Quốc T không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Huỳnh Hữu Thiên L được ly hôn với ông Tôn Quốc T; Về con chung giao cháu Tôn Ngọc Diệu T1 cho ông Tôn Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Tôn Ngọc Tuyết N cho bà Huỳnh Hữu Thiên L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do bà Huỳnh Hữu Thiên L không yêu cầu ông Tôn Quốc T cấp dưỡng nuôi con và bà L cũng không cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Tòa án không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Hữu Thiên L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn bà Huỳnh Hữu Thiên L khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Tôn Quốc T; địa chỉ đường L, khóm D, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Tôn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Hữu Thiên L, Hội đồng xét xử thấy:

Bà Huỳnh Hữu Thiên L và ông Tôn Quốc T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2015, đăng ký ngày 29 tháng 9 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tại thời điểm kết hôn thì bà Huỳnh Hữu Thiên L và ông Tôn Quốc T đủ điều kiện kết hôn và thực hiện việc đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, bà L và ông T có thời gian chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Bà L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống, không hợp tính tình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông bà đã sống ly thân từ cuối năm năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã ra thông báo về phiên hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ 02 (hai) lần nhưng ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Như vậy, theo quy định trên thì bà L và ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Huỳnh Hữu Thiên L yêu cầu được ly hôn với ông Tôn Quốc T là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về nuôi con chung: bà Huỳnh Hữu Thiên L trình bày, trong thời gian bà và ông Tôn Quốc T chung sống có với nhau 02 người con chung tên Tôn Ngọc Diệu T1 (nữ), sinh ngày: 15/02/2009 và Tôn Ngọc Tuyết N (nữ), sinh ngày: 21/01/2016. Từ khi ông bà sống ly thân cho đến nay, cháu Tôn Ngọc Diệu T1 do ông Tôn Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Tôn Ngọc Tuyết N do bà Huỳnh Hữu Thiên L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, bà Huỳnh Hữu Thiên L yêu cầu giao cháu Tôn Ngọc Diệu T1 cho ông Tôn Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng và bà Huỳnh Hữu Thiên L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tôn Ngọc Tuyết N cho đến tuổi trưởng thành.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Tôn Ngọc Diệu T1 do ông Tôn Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Tôn Ngọc Tuyết N do bà Huỳnh Hữu Thiên L trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đang ổn định, các cháu được chăm sóc tốt và được đi học đầy đủ. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2022, cháu Tôn Ngọc Diệu T1 có nguyện vọng được sống cùng với ông Tôn Quốc T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Hữu Thiên L, giao cháu Tôn Ngọc Diệu T1 cho ông Tôn Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Tôn Ngọc Tuyết N cho bà Huỳnh Hữu Thiên L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi*” và khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*”. Do đó, bà Huỳnh Hữu Thiên L và ông Tôn Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Theo quy định này thì bà L và ông Tôn Quốc T đều có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, do bà L và ông T mỗi người đều có trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà Huỳnh Hữu Thiên L trình bày bà và ông T đủ điều kiện để nuôi con không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Hữu Thiên L, trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Nguyên đơn bà Huỳnh Hữu Thiên L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Hữu Thiên L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Hữu Thiên L và ông Tôn Quốc T

- Về con chung: Giao con chung tên Tôn Ngọc Diệu T1 (nữ), sinh ngày: 15/02/2009 cho ông Tôn Quốc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và giao con chung tên Tôn Ngọc Tuyết N (nữ), sinh ngày: 21/01/2016 cho bà Huỳnh Hữu Thiên L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Huỳnh Hữu Thiên L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Huỳnh Hữu Thiên L và ông Tôn Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Hữu Thiên L, trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Bà Huỳnh Hữu Thiên L phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000188, ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Huỳnh Hữu Thiên L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Nguyên đơn bà Huỳnh Hữu Thiên L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Tôn Quốc T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND Phường D, TPST;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Kim Hằng